

Số : / PC3I-TC

**GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA
QUÝ 2/2020 SO VỚI QUÝ 2/2019 (TRƯỚC SOÁT XÉT)**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Căn cứ Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/09/2016 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (MCK: PIC, sàn giao dịch: HNX) xin giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 2/2020 so với Quý 2/2019 như sau:

1. Báo cáo tài chính tổng hợp

a. Báo cáo tài chính quý 2/2020

- Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2 năm 2020 : -3.086.578.345 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2 năm 2019 : -799.094.343 đồng.

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2/2020 giảm so với quý 2/2019 là 2.287.484.002 đồng, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Quý 2/2020 (1)	Quý 2/2019 (2)	Chênh lệch	
			Giá trị (1)-(2)	Tỷ lệ % (1):(2)
1. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	12.546.848.335	18.587.495.272	-6.040.646.937	67,50%
- <i>Doanh thu bán điện</i>	<i>12.545.030.153</i>	<i>18.587.495.272</i>	<i>-6.042.465.119</i>	<i>67,49%</i>
2. Giá vốn hàng bán	9.616.980.842	12.322.197.154	-2.705.216.312	78,05%
- <i>Chi phí bán điện</i>	<i>9.616.980.842</i>	<i>12.322.197.154</i>	<i>-2.705.216.312</i>	<i>78,05%</i>
3. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	2.929.867.493	6.265.298.118	-3.335.430.625	46,76%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	303.072.720	149.200.300	153.872.420	203,13%
5. Chi phí tài chính	4.182.185.770	4.503.872.784	-321.687.014	92,86%
6. Chi phí bán hàng				
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.281.066.907	2.449.066.805	-167.999.898	93,14%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động K/doanh	-3.230.312.464	-538.441.171	-2.691.871.293	-599,94%
9. Thu nhập khác	166.768.000	4.077.878.474	-3.911.110.474	4,09%
10. Chi phí khác	166.768.000	4.077.878.474	-3.911.110.474	4,09%
11. Lợi nhuận khác				
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-3.230.312.464	-538.441.171	-2.691.871.293	-599,94%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	-143.734.119	260.653.172	-404.387.291	-55,14%
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	-3.086.578.345	-799.094.343	-2.287.484.002	-386,26%

b. Báo cáo tài chính lũy kế đến quý 2/2020:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN bán niên năm 2020 : -695.619.507 đồng.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN bán niên năm 2019 : 9.844.346.846 đồng.

Lợi nhuận sau thuế TNDN bán niên năm 2020 giảm so với bán niên năm 2019 là 10.539.966.353 đồng, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Lũy kế đến quý 2/2020 (1)	Lũy kế đến quý 2/2019 (2)	Chênh lệch	
			Giá trị (1)-(2)	Tỷ lệ % (1):(2)
1. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	31.724.700.076	46.180.905.051	-14.456.204.975	68,70%
- Doanh thu bán điện	31.722.881.894	46.180.905.051	-14.458.023.157	68,69%
2. Giá vốn hàng bán	20.020.377.331	22.350.701.906	-2.330.324.575	89,57%
- Doanh thu bán điện	20.020.377.331	22.350.701.906	-2.330.324.575	89,57%
3. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	11.704.322.745	23.830.203.145	-12.125.880.400	49,12%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	526.897.895	288.168.189	238.729.706	182,84%
5. Chi phí tài chính	8.471.065.673	8.986.549.320	-515.483.647	94,26%
6. Chi phí bán hàng				
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.455.774.474	4.389.185.448	66.589.026	101,52%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-695.619.507	10.742.636.566	-11.438.256.073	-6,48%
9. Thu nhập khác	166.768.000	4.077.878.474	-3.911.110.474	4,09%
10. Chi phí khác	166.768.000	4.077.908.474	-3.911.140.474	4,09%
11. Lợi nhuận khác		-30.000		
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-695.619.507	10.742.606.566	-11.438.226.073	-6,48%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	0	898.259.720	-898.259.720	0,00%
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	-695.619.507	9.844.346.846	-10.539.966.353	-7,07%

Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả kinh doanh bán niên năm 2020 giảm so với bán niên năm 2019 như sau:

Thời tiết trong 6 tháng đầu năm 2020 tại khu vực tỉnh Quảng Trị và tỉnh Kon Tum khô hạn kéo dài rất bất thường so với cùng kỳ năm trước, lượng nước về NMTĐ Đăk Pône và NMTĐ Đa Krông 1 đều không đủ để vận hành hết công suất. Tổng sản lượng điện phát trong 6 tháng đầu năm 2020 là 17.549.405 kWh, chỉ đạt 73,56% sản lượng điện theo kế hoạch nửa đầu năm 2020, tương đương 61,45% so với cùng kỳ năm 2019. Tuy tăng giá bán điện bình quân nên doanh thu trong 6 tháng đầu năm 2020 đạt 74,45% so với kế hoạch nửa đầu năm 2020, tương đương 68,69% so với cùng kỳ năm 2019, cụ thể như sau:

Nội dung	NMTĐ Đăk Pône		NMTĐ Đa Krông 1		Cộng	
	Doanh thu trước thuế (đồng)	Sản lượng điện (kwh)	Doanh thu trước thuế (đồng)	Sản lượng điện (kwh)	Doanh thu trước thuế (đồng)	Sản lượng điện (kwh)
1. 6 tháng đầu năm 2019	30.630.809.885	21.544.169	15.550.095.166	7.013.809	46.180.905.051	28.557.978
2. 6 tháng đầu năm 2020	19.791.349.045	13.183.680	11.931.532.849	4.365.725	31.722.881.894	17.549.405
3. Chênh lệch (2-1)	-10.839.460.840	-8.360.489	-3.618.562.317	-2.648.084	-14.458.023.157	-11.008.573
4. Tỷ lệ % tăng (+)/giảm (-) so với cùng kỳ 2019	-35,39%	-38,81%	-23,27%	-37,76%	-31,31%	-38,55%

Ngoài việc doanh thu bán điện sụt giảm do thời tiết khô hạn, đồng thời đây là năm thứ 3 NMTĐ Đa Krông 1 được đưa vào vận hành, lãi vay phải trả cho NMTĐ này chiếm chi phí đáng kể trong tổng chi phí nên lợi nhuận sau thuế TNDN giảm so với bán niên năm 2019 là 10.539.966.353 đồng.

2. Báo cáo tài chính văn phòng Công ty

a. Báo cáo tài chính quý 2/2020

- Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2 năm 2020 : -1.640.409.880 đồng.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2 năm 2019 : -2.220.554.029 đồng.

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 2 năm 2020 tăng so với quý 2 năm 2019 là 580.144.149 đồng, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Quý 2/2020 (1)	Quý 2/2019 (2)	Chênh lệch	
			Giá trị (1)-(2)	Tỷ lệ % (1):(2)
1. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	1.818.182		1.818.182	
2. Giá vốn hàng bán				
3. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	1.818.182		1.818.182	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	303.048.240	149.200.035	153.848.205	203,12%
5. Chi phí tài chính	4.865.468	720.000	4.145.468	675,76%
6. Chi phí bán hàng				
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.084.144.953	2.108.380.892	-24.235.939	98,85%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-1.784.143.999	-1.959.900.857	175.756.858	108,97%
9. Thu nhập khác	166.768.000	4.077.878.474	-3.911.110.474	4,09%
10. Chi phí khác	166.768.000	4.077.878.474	-3.911.110.474	4,09%
11. Lợi nhuận khác				
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-1.784.143.999	-1.959.900.857	175.756.858	108,97%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	-143.734.119	260.653.172	-404.387.291	-55,14%
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	-1.640.409.880	-2.220.554.029	580.144.149	126,13%

b. Báo cáo tài chính lũy kế đến quý 2/2020

- Lợi nhuận sau thuế TNDN bán niên năm 2020 : - 3.530.704.096 đồng.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN bán niên năm 2019 : - 4.394.622.333 đồng.

Lợi nhuận sau thuế TNDN bán niên năm 2020 tăng so với bán niên năm 2019 là 863.918.237 đồng, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Lũy kế đến quý 2/2020 (1)	Lũy kế đến quý 2/2019 (2)	Chênh lệch	
			Giá trị (1)-(2)	Tỷ lệ % (1):(2)
1. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	1.818.182		1.818.182	
2. Giá vốn hàng bán				
3. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	1.818.182		1.818.182	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	526.837.479	288.167.924	238.669.555	182,82%
5. Chi phí tài chính	4.865.468	5.620.000	-754.532	86,57%
6. Chi phí bán hàng				
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.054.494.289	3.778.880.537	275.613.752	107,29%
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	-3.530.704.096	-3.496.332.613	-34.371.483	99,02%
9. Thu nhập khác	166.768.000	4.077.878.474	-3.911.110.474	4,09%

10. Chi phí khác	166.768.000	4.077.908.474	-3.911.140.474	4,09%
11. Lợi nhuận khác		-30.000	30.000	0,00%
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-3.530.704.096	-3.496.362.613	-34.341.483	99,02%
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành		898.259.720	-898.259.720	0,00%
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	-3.530.704.096	-4.394.622.333	863.918.237	119,66%

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 kính báo cáo và cam kết nội dung giải trình trên là đúng sự thật.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT,TC, đăng web.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC